

Số: /KH-SNNMT

Quảng, Trị, ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026**

Thực hiện Kịch bản số 1642/KB-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh về kịch bản tăng trưởng GRDP và đóng góp của các dự án vào tăng trưởng GRDP năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch triển khai Kịch bản tăng trưởng GRDP trong 2026, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

Phát triển nông, lâm, thủy sản bền vững trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, khai thác tiềm năng, lợi thế sẵn có, huy động và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm mọi nguồn lực; chú trọng thu hút doanh nghiệp liên doanh, liên kết đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, liên kết theo chuỗi giá trị. Quyết liệt và chủ động trong công tác chỉ đạo sản xuất, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế tài nguyên đất đai, khoáng sản nhằm đảm bảo giá trị tăng trưởng nông, lâm, thủy sản trong năm 2026 **đạt từ 3,2-3,5%** (tương ứng GRDP tăng thêm hơn **338 tỷ đồng**) và góp phần tăng thu ngân sách và đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của tỉnh nhà.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

**2.1. Lĩnh vực trồng trọt**

- Sản lượng cây lương thực có hạt đạt trên 60 vạn tấn;
- Mở rộng diện tích sản xuất lúa trên diện tích đất lúa bỏ hoang vụ Hè Thu tăng thêm ít nhất 125 ha;
- Diện tích cây trồng có liên kết tiêu thụ theo chuỗi giá trị tăng thêm 1.500 ha; Cây trồng sản xuất theo tiêu chuẩn tăng thêm 250 ha; Lúa sản xuất theo quy trình giảm phát thải tăng thêm 7.800 ha; diện tích sản xuất lúa chất lượng cao đạt trên 70% diện tích gieo cấy;
- Thiệt hại do dịch hại gây ra trên các cây trồng chính dưới 2% sản lượng.

**2.2. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y**

- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 159.000 tấn;
- Thực hiện tốt công tác tiêm phòng, tỷ lệ tiêm phòng đạt tối thiểu 80% tổng đàn thực tế;
- Nâng cao chất lượng đàn, phần đầu tỷ lệ bò lai duy trì đạt trên 65,5% và tỷ lệ lợn ngoại và lợn lai ngoại trên 95% tổng đàn.

### **2.3. Lĩnh vực thủy sản**

- Tổng sản lượng thủy sản: 143.090 tấn, trong đó:
- + Khai thác: 120.290 tấn.
- + Nuôi trồng: 22.800 tấn.

### **2.4. Lĩnh vực lâm nghiệp**

- Trồng rừng tập trung 23.470 ha;
- Trồng cây phân tán 3.500.000 cây;
- Chăm sóc rừng trồng: 69.620 ha;
- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 61%;
- Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng: 2.500.000 m<sup>3</sup>;
- Duy trì diện tích rừng trồng gỗ lớn: 23.550 ha.

### **2.5. Lĩnh vực thủy lợi**

- Triển khai các giải pháp, điều tiết các hồ chứa đảm bảo nguồn nước, tưới tiết kiệm phục vụ sản xuất theo kế hoạch, phần đầu đảm bảo công tác tưới tiêu ổn định cho khoảng 100.950 ha lúa 02 vụ, với tần suất đảm bảo tưới 85%, đối với vùng khó khăn về nguồn nước và giải pháp thủy lợi (miền núi, biên giới, ven biển) bảo đảm 75-85%; có giải pháp chống hạn, kết hợp các giải pháp tưới tiên tiến tiết kiệm nước.

- Đảm bảo nguồn nước, tưới cho diện tích sản xuất vụ Hè Thu ở những vùng đảm bảo hạ tầng thủy lợi trước đây không tổ chức sản xuất (bỏ hoang).

- Chủ động thích ứng, phòng ngừa giảm thiểu tối đa các thiệt do thiên tai gây ra.

### **2.6. Phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững**

- Số hộ nghèo giảm từ 3.500 - 4.000 hộ theo chuẩn nghèo đa chiều; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1,0 - 1,5%;

- Thành lập mới từ 8 - 10 HTX, phần đầu tỷ lệ HTX tốt, khá đạt tối thiểu 60%; Xây dựng 05 mô hình hợp tác xã kiểu mới, liên doanh, liên kết, mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Hỗ trợ, hướng dẫn tiêu chuẩn hóa cho 15 - 20 sản phẩm OCOP đã được công nhận; phát triển từ 10 - 15 sản phẩm OCOP mới; phần đầu tăng thêm 01 sản phẩm OCOP 5 sao.

- Có tối thiểu 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

**1. Thực hiện có hiệu quả, đồng thời tiếp tục tham mưu hoàn thiện thể chế, chính sách, huy động nguồn lực để đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao giá trị gia tăng.**

- Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, cơ chế chính sách hiện hành về phát triển nông nghiệp – nông thôn của Trung ương và của tỉnh trên các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời rà soát, đánh giá, tham mưu UBND tỉnh ban hành và đề xuất ban hành các chủ trương, chính sách mới phù hợp với điều kiện và thực tiễn sản xuất trên địa bàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, huy động, lồng ghép sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Tích cực, chủ động trong công tác thu hút đầu tư, mời gọi doanh nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh như lúa chất lượng cao, sắn, hồ tiêu, cà phê, cây dược liệu, cây ăn quả; sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, cây nguyên liệu gỗ rừng trồng; hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu lớn gắn với chế biến và xuất khẩu.

**2. Tập trung thực hiện các giải pháp nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế, dư địa trên các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản cụ thể như sau:**

#### **2.1. Đối với lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật**

- Tập trung chỉ đạo tổ chức sản xuất đảm bảo đúng mùa vụ, cơ cấu giống, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực.

- Phối hợp với UBND các xã, phường chỉ đạo sản xuất, phòng trừ sâu bệnh nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai và dịch hại gây ra.

- Tập trung chỉ đạo các địa phương chuyển đổi cơ cấu giống mới, chất lượng cao; Mở rộng diện tích sản xuất hữu cơ, VietGap, ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Phối hợp các địa phương rà soát diện tích đất lúa bỏ hoang, tuyên truyền vận động người dân tổ chức sản xuất, thực hiện các giải pháp đảm bảo nguồn nước để tổ chức gieo cấy trong vụ Hè Thu với diện tích tăng thêm tối thiểu là 125 ha so với năm 2025, trong đó tập trung chỉ đạo đối với 02 địa phương trọng

điểm là xã Cửa Tùng, xã Trường Ninh (Danh sách các xã có đất trồng lúa thường xuyên bỏ hoang trong vụ Hè Thu kèm theo).

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn người dân chăm sóc, thu hoạch đối với các loại cây công nghiệp dài ngày đến kỳ thu hoạch như hồ tiêu, cà phê, cao su, cây ăn quả ... để đạt năng suất và hiệu quả cao nhất.

## **2.2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi và thú y**

- Tập trung tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi, trang trại quy mô vừa và nhỏ chủ động tái đàn có kiểm soát, bảo đảm an toàn sinh học nhằm bù đắp thiệt hại do dịch bệnh năm 2025.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo giống vật nuôi nhằm nâng cao năng suất và chất lượng thương phẩm; ưu tiên nâng cao tỷ lệ bò lai và lợn nái ngoại trong tổng đàn, phấn đấu duy trì đạt trên 65,5% và tỷ lệ lợn ngoại, lợn lai ngoại trên 95% tổng đàn. Thực hiện các giải pháp kỹ thuật nhằm tăng thể trọng xuất chuồng bình quân, tập trung phát triển sản lượng dựa trên việc nâng cao chất lượng con giống và quy trình chăm sóc.

- Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi theo hướng ưu tiên các nhóm có giá trị kinh tế trên đơn vị sản phẩm cao và ít rủi ro dịch bệnh như đàn bò, gia cầm (cơ bản đã có hệ thống vắc xin phòng bệnh đầy đủ); đồng thời đa dạng hóa nguồn thu thông qua việc khai thác tối đa dư địa từ các sản phẩm không qua giết thịt như trứng, mật ong, yến sào... nhằm nâng cao giá trị tăng thêm và tỷ trọng đóng góp của nhóm sản phẩm này trong cơ cấu GRDP ngành chăn nuôi.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; tổ chức tiêm phòng vắc-xin định kỳ, bảo đảm tỷ lệ đạt tối thiểu 80% tổng đàn thực tế theo quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn.

- Đẩy mạnh chuyển giao, áp dụng các quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, VietGAP, hữu cơ; khuyến khích ứng dụng độn lót sinh học, xử lý chất thải làm phân bón hữu cơ, hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

- Tăng cường quản lý hoạt động giết mổ; kiểm soát chặt chẽ vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ, bảo đảm an toàn thực phẩm, ngăn ngừa nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh.

- Tập trung hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, nhất là tại các khu, cụm trang trại tập trung.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chăn nuôi; thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi trực tuyến, từng bước xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ trang trại đến bàn ăn.

- Thường xuyên rà soát danh mục các dự án chăn nuôi đã được cấp chủ trương đầu tư; thực hiện kiểm tra, nắm bắt sát tình hình thực tế về tiến độ triển khai cũng như các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Kịp thời tổng hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền các biện pháp tháo gỡ khó khăn về thủ tục hành chính, đất đai và môi trường để hỗ trợ các dự án sớm hoàn thành xây dựng và đi vào vận hành sản xuất đúng tiến độ trong năm 2026. Khuyến khích hình thành các chuỗi liên kết giá trị giữa doanh nghiệp dự án với các Hợp tác xã và hộ dân địa phương để đảm bảo đầu ra bền vững, giảm bớt rủi ro từ sự biến động của thị trường.

### **2.3. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp**

- Đẩy mạnh khai thác rừng trồng sản xuất đối với những diện tích rừng trồng đến chu kỳ khai thác, đặc biệt là rừng trồng của các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư<sup>1</sup>. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các đối tượng tham gia trồng rừng sản xuất về lợi ích của việc trồng rừng, đặc biệt là trồng rừng gỗ lớn, chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn gắn với quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng trong việc nâng cao năng suất và giá trị rừng trồng nhằm thay đổi tư duy phát triển sản xuất lâm nghiệp.

- Trong năm 2026 hoàn thành xây dựng chính sách hỗ trợ trồng rừng sản xuất gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (quý II) làm cơ sở hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn cho người dân. Xây dựng dự án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng để hỗ trợ cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư theo chính sách hiện hành (quý II). Thúc đẩy, làm cầu nối giữa doanh nghiệp chế biến gỗ và người dân để liên kết, hỗ trợ người dân xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng đối với rừng trồng sản xuất.

---

<sup>1</sup> Tổ chức kinh tế khai thác khoảng 5.500 ha (Công ty TNHH MTV LCN Long Đại 1.400 ha; Công ty TNHH MTV LCN Bắc Quảng Bình 800 ha; Công ty TNHH MTV LN Đường 9 1.000 ha; Công ty TNHH MTV LN Bến Hải 1.800 ha; Công ty TNHH MTV LN Triệu Hải 500 ha). Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khoảng 16.000 ha (Tập trung chủ yếu tại các xã: Bồ Trạch, Bắc Trạch, Hoà Trạch, Kim Ngân, Kim Phú, Kim Điền, Minh Hoá, Phú Trạch, Phong Nha, Sen Ngư, Trung Thuần, Trường Sơn, Tuyên Bình, Tuyên Hoá, Tuyên Lâm, Tuyên Phú, Trường Sơn, Tân Mỹ, Tân Thành, Đồng Lê, Ba Lòng, Bến Quan, Cam Lộ, Cồn Tiên, Diên Sanh, Hiếu Giang, Hướng Hiệp, Hướng Phùng, Hải Lăng, La Lay, Lao Bảo, Nam Hải Lăng, Triệu Phong, Tà Rụt, Vĩnh Hoàng, Vĩnh Thuý, Vĩnh Linh, Đakrông và Ái Tử). Một số chủ rừng khác khai thác nhỏ lẻ khoảng 2.000 ha.

- Tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp phục vụ trồng rừng, tỉ lệ giống được kiểm soát đưa vào trồng rừng đạt từ 80 - 90%. Thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đẩy mạnh thu dịch vụ môi trường rừng từ kinh doanh du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Xây dựng và triển khai công tác điều tra rừng làm cơ sở theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, giao đất lâm nghiệp gắn với giao rừng. Hoàn thành việc xây dựng khung giá rừng (trong quý II) làm cơ sở định khung giá rừng nhằm xác định giá chính xác tài nguyên rừng, tạo cơ sở pháp lý cho việc cho thuê, thu hồi rừng, bồi thường thiệt hại đối với rừng.... Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, giữ ổn định tỉ lệ che phủ rừng ở mức 61%.

#### **2.4. Về lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư**

##### **a) Nuôi trồng thủy sản:**

- Tập trung chỉ đạo xây dựng và kịp thời tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất năm 2026, đảm bảo duy trì ổn định diện tích thả nuôi hàng năm, đặc biệt là vận động người dân thả nuôi lại 100% diện tích bị thiệt hại do thiên tai năm 2025; đồng thời tích cực, chủ động hỗ trợ, giúp đỡ các nhà đầu tư hoàn thành thủ tục đưa dự án đi vào hoạt động nhằm tăng diện tích, sản lượng nuôi năm 2026 như: dự án nuôi ngao trên diện tích 139 ha vùng biển ven bờ các xã Bắc Trạch, Bắc Gianh...; dự án nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi cá lóc với diện tích khoảng 15 ha ở vùng đồi cát xã Cam Hồng; triển khai hỗ trợ các mô hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt bằng lồng bè các đối tượng có giá trị như cá chình, cá lăng, diêu hồng, chép giòn ... nhằm phát huy tiềm năng diện tích mặt nước tại các hồ chứa, hồ thủy điện lâu nay chưa được khai thác (hồ Trôốc Trâu, An Mã, Cẩm Ly, Bảo Đài, Trúc Kinh...).

- Tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú, ốc hương, cá bớp... tại các xã đã có cơ sở hạ tầng, điều kiện nuôi tốt như: Phú Trạch, Bắc Trạch, Đông Trạch, Ninh Châu, Cam Hồng, Vĩnh Thủy, Nam Cửa Việt, Vĩnh Hoàng, Cửa Tùng, Mỹ Thủy, Bến Hải, Triệu Cơ... nhằm nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích.

- Triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình nuôi trồng thủy sản áp dụng công nghệ mới, tiên tiến, thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với từng địa phương và định hướng phát triển của ngành để nâng cao giá trị và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, cụ thể:

+ Đối với các mô hình nuôi mặn lợ: nuôi tôm thẻ chân trắng nhiều giai đoạn tại các xã Đông Trạch, Nam Cửa Việt, Vĩnh Thủy; nuôi ốc hương thương phẩm trên ao cát lót bạt tại các xã Bến Hải, Cửa Việt, Ninh Châu; nuôi cá mú trôn châu thương phẩm tại phường Bắc Gianh, xã Đông Trạch; nuôi cá kính thương phẩm trong ao lót bạt tại các xã Mỹ Thủy, Nam Cửa Việt; nuôi hào Thái Bình Dương tại các xã Bắc Trạch, Bắc Gianh, Hòa Trạch, Phú Trạch, Quảng Ninh...

+ Đối với các mô hình nuôi nước ngọt: nuôi lươn thương phẩm trong bể không bùn tại các xã Bến Hải, Cửa Việt; nuôi tôm càng xanh 2 giai đoạn tại các xã Lệ Ninh, Gio Linh, Nam Cửa Việt; mô hình nuôi cá ngạnh thương phẩm tại các xã Bồ Trạch, Quảng Ninh, Đông Trạch; mô hình nuôi ốc bươu đen thương phẩm tại các xã Lệ Thủy, Vĩnh Linh ...

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản như: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp với các địa phương bám sát địa bàn, kịp thời phát hiện, hướng dẫn các biện pháp phòng, chống để ngăn chặn, hạn chế sự lây lan của dịch bệnh; Tổ chức lấy mẫu giám sát chủ động tại các vùng nuôi và thực hiện tốt công tác quan trắc, cảnh báo môi trường tại các vùng nuôi tập trung để thông tin kịp thời đến người nuôi về diễn biến chất lượng môi trường nước và tình hình dịch bệnh theo phương châm “phòng bệnh chủ động từ sớm, từ xa” nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại; Chủ động nguồn hóa chất để hỗ trợ người nuôi thủy sản xử lý các ổ dịch bệnh nguy hiểm khi mới phát sinh; Thực hiện tốt công tác kiểm dịch thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, giám sát công tác vận chuyển giống thủy sản.

- Tiếp tục kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tuần hoàn, khép kín, các đối tượng nuôi chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), đối tượng có giá trị kinh tế như ốc hương, cá chình... nhằm nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản.

b) Đối với khai thác thủy sản:

- Tích cực vận động ngư dân ứng dụng các tiến bộ về dự báo ngư trường, mùa vụ khai thác; theo dõi diễn biến của thời tiết, khí hậu để kịp thời thông báo cho ngư dân để hạn chế tối đa rủi ro do thiên tai xảy ra; ứng dụng rộng rãi máy dò ngang, dò quét vào nghề lưới vây, chụp mực,...; đầu tư các trang thiết bị công nghiệp hỗ trợ như: máy tời thủy lực tời lưới trong nghề lưới rê, lòng bẫy...; trang bị các dò cá hiện đại, máy đo sâu hồi âm, hệ thống định vị GPS, radar, hệ thống nhận dạng tự động (AIS), trang bị hệ thống lái tự động để

giảm chi phí nhiên liệu và thời gian tới ngư trường khai thác, về cảng cá và các thiết bị thông tin liên lạc như bộ đàm, máy VHF, và điện thoại vệ tinh... Sử dụng vật liệu bọt xốp Polyurethane, Compozit làm hầm bảo quản trên tàu cá thay thế hầm gỗ lót xốp truyền thống, giảm tổn thất sau thu hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm cho tàu cá, đồng thời kéo dài thời gian chuyến biển hơn nhằm tăng hiệu quả kinh tế của người dân.

- Tổ chức giải quyết nhanh, gọn các thủ tục liên quan đến việc chi trả các chính sách hỗ trợ khai thác thủy sản như Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết 25/2026/NQ-HĐND nhằm khuyến khích tàu cá tham gia vùng biển xa, ra khơi bám biển dài ngày. Huy động vốn phục vụ phát triển hạ tầng cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá: đầu tư, duy tu, bảo trì nâng cấp công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão nhằm đáp ứng nhu cầu lên cá ở các cảng giúp tăng sản lượng khai thác.

- Tổ chức hướng dẫn và khuyến khích phát triển các mô hình liên kết chuỗi giữa khai thác – thu mua – chế biến – tiêu thụ sản phẩm, bảo đảm đầu ra ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm khai thác với một số nghề có mức độ sử dụng nhiên liệu thấp như câu, rê, lồng bẫy,...; thông tin dự báo ngư trường, nguồn lợi thủy sản để hỗ trợ ngư dân xây dựng kế hoạch khai thác hiệu quả; tổ chức tốt các dịch vụ cung ứng nhiên liệu, đá lạnh, nhu yếu phẩm và vật tư nghề cá với giá cả hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân giảm chi phí đầu vào trong mỗi chuyến biển.

+ Thực hiện các mô hình khuyến khích khai thác: Ứng dụng các thiết bị hiện đại trên tàu khai thác xa bờ như; sử dụng đèn Led chuyên dụng cho nghề lưới vây kết hợp ánh sáng trên tàu khai thác xa bờ (tàu >15m) với quy mô 3 tàu, thực hiện tại các xã, phường như; xã Cửa Việt, phường Bắc Gianh; Ứng dụng công nghệ CPF (Composite- Polyurethane Foam) trong bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ với quy mô 01 tàu, thực hiện tại xã Cửa Việt.

### **3. Đổi mới tổ chức sản xuất, thúc đẩy chế biến nông lâm thủy sản, quản lý chất lượng, phát triển thị trường**

- Tăng cường công tác xây dựng và quản lý thương hiệu nông sản Quảng Trị; đẩy mạnh sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, chỉ dẫn địa lý và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế trang trại, hợp tác xã hiện đại, hiệu quả, bền vững góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội đồng thời thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.. Nâng cao chất lượng các mô hình hợp tác và hình thức liên kết hoạt động có hiệu quả. Tăng cường hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng công

nghệ, chuyển đổi số, đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị; Hỗ trợ 3 - 5 mô hình hợp tác xã Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao vào sản xuất kinh doanh.

- Khuyến khích đầu tư, đẩy mạnh cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Phát triển sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực theo hướng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển thương hiệu và sản phẩm OCOP 5 sao.

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá và mở rộng thị trường tiêu thụ đối với sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực và sản phẩm OCOP của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất; công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản trên địa bàn nhằm từng bước nâng cao nhận thức cho người sản xuất và kinh doanh thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật, hướng tới đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.

#### **4. Hoàn thiện và sử dụng có hiệu quả hạ tầng nông nghiệp phục vụ sản xuất, nâng cao năng lực phòng chống giảm nhẹ thiên tai, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất.**

- Xây dựng phương án tưới tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất, chủ động ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Nâng cao năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai; bảo đảm điều kiện sản xuất, sinh hoạt, an toàn cho nhân dân vùng xung yếu. Chủ động triển khai các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn hán, lũ sớm gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

- Áp dụng biện pháp tưới luân phiên, tưới tiên tiến tiết kiệm nước, chủ động be bờ giữ nước trong ruộng, tận dụng các nguồn nước hồi quy ở các trục tiêu, ao hồ, sông suối để bơm tát phục vụ làm đất, gieo sạ; tích trữ nguồn nước ở các hồ chứa để phục vụ tưới khi cần thiết và cho vụ Hè Thu. Khi hạn hán xảy ra, chủ động tích nước ở các bầu, ao, đầm, khoanh vùng đặt máy bơm dã chiến hỗ trợ khi cần thiết.

- Quản lý chặt chẽ các cống ngăn mặn, không để mặn xâm nhập nội đồng làm ô nhiễm nguồn nước; Tăng cường kiểm tra để đảm bảo an toàn tuyệt đối các hồ chứa, đề điều các công trình phục vụ nước sinh hoạt nông thôn, kịp thời duy tu bảo dưỡng và sửa chữa đảm bảo mục tiêu phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Thường xuyên tiến hành tu bổ, nạo vét, vệ sinh kênh mương từ các trục kênh chính đến tận các tuyến kênh mương nội đồng, luôn đảm bảo thông dòng chảy, giảm tổn thất nước trong kênh, nâng cao khả năng dẫn nước, giảm thời gian tưới, nhất là các khu vực ruộng cao, ruộng nằm cách xa kênh tưới chính.

### **5. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, tiến bộ khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ vào phát triển nông nghiệp, nông thôn**

- Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Tập trung nghiên cứu các giải pháp, mô hình mới: Chủ động đề xuất các đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở nhằm giải quyết các bài toán lớn của ngành. Ưu tiên nghiên cứu, chọn tạo các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất cao, thích ứng biến đổi khí hậu; Nghiên cứu thí điểm Hệ sinh thái Trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, dự báo giá cả thị trường cho nông dân, chuyển từ sản xuất theo kinh nghiệm sang sản xuất theo tín hiệu thị trường; Nghiên cứu các mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ tiên tiến để nhân rộng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào quản lý và sản xuất và quản lý nâng cao năng suất, hiệu quả:

+ Về dữ liệu: Tập trung hoàn thiện và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành đã có, đặc biệt là CSDL đất đai và các CSDL phục vụ truy xuất nguồn gốc.

+ Về quản lý thông minh: Đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống giám sát thông minh đã được đầu tư như: Hệ thống giám sát rừng (Drone, AI), giám sát sâu bệnh (IoT), giám sát tàu cá (IUU)... nhằm giảm chi phí, giảm thiểu thiệt hại và nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên.

+ Về chính quyền số: Tiếp tục nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, đặc biệt trong lĩnh vực môi trường và đất đai. Thí điểm mô hình "Cơ quan số thông minh" tại một số đơn vị, áp dụng triệt để các phần mềm quản trị công việc, ký số và điều hành dựa trên dữ liệu thời gian thực để giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh.

- Tăng cường chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và nâng cao năng lực số cho người dân, doanh nghiệp:

Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông: Đổi mới hoạt động khuyến nông theo hướng không chỉ chuyển giao kỹ thuật canh tác truyền thống, mà tập

trung vào việc hướng dẫn nông dân, doanh nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bảo quản, sơ chế và chế biến.

Đào tạo kỹ năng số: Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ ngành, các chủ trang trại, hợp tác xã về kỹ năng vận hành các thiết bị IoT, phần mềm quản lý, và kỹ năng tham gia thương mại điện tử, giúp họ thực sự làm chủ công nghệ.

Hoàn thiện chính sách hỗ trợ: Nghiên cứu tham mưu, đề xuất các chính sách cụ thể, đủ hấp dẫn để hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên mỗi đơn vị diện tích.

### **6. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.**

Kịp thời tham mưu ban hành cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương và nâng cao vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Tập trung giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới; quan tâm chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn nhưng chưa đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2026-2030.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo hướng mở rộng quy mô, chất lượng, phát triển thương hiệu nổi bật, tập trung chuẩn hóa, nâng cấp, phát triển sản phẩm OCOP 5 sao.

### **7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; quyết liệt giải ngân nguồn vốn đầu tư công; thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tăng thu ngân sách từ đất đai, khoáng sản nhằm đảm bảo nguồn thu cho tỉnh**

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung cắt giảm thủ tục hành chính để giảm phiền hà, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện giải quyết nhanh các thủ tục đầu tư, quyết liệt tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Tiếp tục tham mưu hoàn thiện hệ thống văn bản và thủ tục hành chính về đất đai, triển khai đồng bộ Luật Đất đai năm 2024 và các nghị quyết, nghị định hướng dẫn, đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền theo quy định mới nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục. Đẩy nhanh công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tập trung

xây dựng và thẩm định hồ sơ và xác định giá đất cụ thể, tham mưu xây dựng hệ số K của bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các dự án phát triển hạ tầng, khu công nghiệp và khu đô thị, khu dân cư. Khai thác hiệu quả nguồn lực tài chính từ đất đai, tập trung giải quyết các thủ tục để tăng cường đấu giá quyền sử dụng đất; rà soát quỹ đất công, đất đã giao cho các tổ chức nhưng sử dụng kém hiệu quả, lãng phí để đưa vào khai thác.

- Đẩy nhanh tiến độ đấu giá quyền khai thác đối với các mỏ đã có trong phương án, đồng thời chủ động xây dựng kế hoạch đấu giá cho giai đoạn tiếp theo, ưu tiên các khu vực có trữ lượng lớn, điều kiện thuận lợi nhằm sớm đưa vào khai thác, gia tăng nguồn thu từ tiền cấp quyền. Đồng thời, tăng cường quản lý các mỏ đang hoạt động, kiểm soát chặt sản lượng khai thác, đôn đốc doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính theo quy định. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, vượt công suất hoặc ngoài phạm vi cấp phép để hạn chế thất thu ngân sách. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cấp phép, tạo điều kiện đưa các dự án vào hoạt động sớm. Qua đó, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm tăng thu ngân sách bền vững từ tài nguyên khoáng sản.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công thuộc ngành, tập trung giải ngân đảm bảo theo đúng tinh thần chỉ đạo của tỉnh.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác... để từng bước phát triển kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao các đồng chí Phó Giám đốc Sở theo lĩnh vực phụ trách tập trung chỉ đạo thực hiện đối với các phòng, đơn vị thuộc Sở để đảm bảo tiến độ và mục tiêu kế hoạch đề ra.

3. Các phòng, đơn vị thuộc Sở căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tham mưu Sở phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, địa phương chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra; đồng thời theo dõi tiến độ thực hiện các dự án theo lĩnh vực phụ trách, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để thực hiện đảm bảo tiến độ, đóng góp cho tăng trưởng. Tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của tỉnh, của ngành. Báo cáo tình hình thực hiện

kế hoạch và theo dõi các chỉ tiêu, dự án theo các phụ lục kèm theo, gửi về Sở Nông nghiệp - Môi trường định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm để theo dõi, chỉ đạo.

3. Giao Phòng Kế hoạch - Tổng hợp đơn đốc, theo dõi, nắm bắt tình hình thực hiện, phối hợp với thống kê tỉnh để cập nhật, đánh giá tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng, tham mưu Lãnh đạo Sở các giải pháp chỉ đạo kịp thời, nhằm đảm bảo kế hoạch đề ra./.

***Nơi nhận:***

- Tỉnh ủy;
- HĐND Tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở Tài chính, Thống kê tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các cơ quan đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Quốc Tuấn**

**Phụ lục 1: Kịch bản tăng trưởng về giá trị GRDP nông, lâm, thủy sản**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Chỉ tiêu	Giá trị GRDP hiện hành			Giá trị GRDP so sánh			Tốc độ tăng trưởng
	Năm 2025	Năm 2026	Tăng thêm	Năm 2025	Năm 2026	Tăng thêm	
<b>Tổng khu vực</b>	20.189.399	20.816.074	626.675	10.576.803	10.915.261	338.458	<b>3,20%</b>
Nông nghiệp	13.312.542	13.682.954	370.412	6.454.558	6.631.413	176.855	<b>2,74%</b>
Lâm nghiệp	2.404.105	2.536.702	132.597	1.741.940	1.838.094	96.154	<b>5,52%</b>
Thủy sản	4.472.752	4.596.418	123.666	2.380.064	2.445.754	65.690	<b>2,76%</b>

**Phụ lục 2: Tốc độ tăng trưởng phân theo Quý***(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quý I</b>	<b>Quý II</b>	<b>6 Tháng</b>	<b>Quý III</b>	<b>9 tháng</b>	<b>Quý IV</b>	<b>Cả năm</b>
<b>Khu vực Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản</b>	<b>103,56</b>	<b>103,15</b>	<b>103,28</b>	<b>103,21</b>	<b>103,25</b>	<b>102,96</b>	<b>103,20</b>
01. Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	103,36	102,58	102,8	102,50	102,7	102,96	102,74
02. Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	105,26	106,12	105,81	106,31	105,99	104,05	105,52
03. Khai thác và nuôi trồng thủy sản	102,77	102,97	102,9	103,05	102,96	102,00	102,76



**Phụ lục 3: Phân công theo dõi các chỉ tiêu tăng trưởng theo kế hoạch của tỉnh**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo chủ trì theo dõi chỉ đạo	Phòng, đơn vị chủ trì theo dõi	Ghi chú
<b>I</b>	<b>GRDP</b>	<b>7,43</b>	<b>7,92</b>	<b>7,71</b>	<b>12,22</b>	<b>9,37</b>	<b>14,09</b>	<b>10,60</b>	<b>10,60</b>			
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,56	3,15	3,28	3,21	3,25	2,96	3,20	0,55	Giám đốc, các PGĐ Sở: Nguyễn Hồng Phương, Nguyễn Phú Quốc, Nguyễn Hữu Vinh, Phan Văn Phước	Kế hoạch- Tổng hợp; Các Chi cục	
-	Nông nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	103,36	102,58	102,8	102,50	102,7	102,96	102,74		Các Phó Giám đốc Sở: Nguyễn Hồng Phương, Nguyễn Phú Quốc	Chi cục Trồng trọt và BVTV; Chăn nuôi và Thú y	

STT	Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo chủ trì theo dõi chỉ đạo	Phòng, đơn vị chủ trì theo dõi	Ghi chú
-	Lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ có liên quan	105,26	106,12	105,81	106,31	105,99	104,05	105,52		Phó Giám đốc Sở Phan Văn Phước	Chi cục Kiểm Lâm và các đơn vị liên quan	
-	Khai thác và nuôi trồng thủy sản	102,77	102,97	102,9	103,05	102,96	102,00	102,76		Phó Giám đốc Sở Nguyễn Hữu Vinh	Chi Cục Thủy sản và Kiểm ngư và các đơn vị liên quan	
II	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	-1,34	3,76	1,36	3,96	2,30	1,90	2,19	0,01	Các Phó Giám đốc Sở: Trần Hoài Nam, Phan Xuân Háo	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai; Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn;	

STT	Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo chủ trì theo dõi chỉ đạo	Phòng, đơn vị chủ trì theo dõi	Ghi chú
											Phòng Quản lý môi trường: phối hợp cung cấp thông tin cho Thống kê tỉnh	
III	Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,74	4,82	4,78	4,87	4,82	4,76	4,80	0,26	Các Phó Giám đốc Sở: Võ Quốc Hoàng, Trần Văn Khương	Phòng Quản lý đất đai; Đo đạc, Bản đồ và viễn thám phối hợp cung cấp thông tin cho Thống kê tỉnh	

**Phụ lục 4****Phân công theo dõi các dự án sản xuất đóng góp năng lực tăng thêm vào tăng trưởng năm 2026***(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Tên doanh nghiệp/ Cơ sở/Nhà máy	Dự kiến thời gian sản xuất	Đơn vị tính sản phẩm	Năng lực sản xuất theo thiết kế	Năm 2026		Giá trị tăng thêm (VA) của năng lực mới tăng trong năm theo giá so sánh (triệu đồng)	Điểm đóng góp vào tăng trưởng GRDP (%)	Lãnh đạo chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Phòng, đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
					Dự kiến sản lượng sản phẩm sản xuất	Dự kiến giá trị sản phẩm sản xuất (triệu đồng)					
<b>I</b>	<b>Công nghiệp Khai khoáng</b>										
1	Công ty Cổ phần Phát triển khoáng sản 4 (Mỏ vàng Xã A Vao, huyện Đakrông)	Quý I/2026	Tấn	10.000	5.000	90.000	16.840	0,027	Phó Giám đốc Sở Nguyễn Hữu Nam	Phòng Khoáng sản và Biến đổi khí hậu	
2	Công ty Cổ phần khoáng sản Hoàng Long	10/2026	Tấn	40.650	10.163	98.261	18.386	0,030	Phó Giám đốc Sở Nguyễn Hữu Nam	Phòng Khoáng sản và Biến đổi khí hậu	

**Phụ lục 5****Diện tích đất trồng lúa thường xuyên bỏ hoang trong vụ Hè Thu***(Kèm theo Kế hoạch số /KH- SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

<b>TT</b>	<b>Địa phương</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
1	Cồn Tiên	34
2	Cửa Việt	40
3	Gio Linh	32
4	Bến Hải	22
5	Vĩnh Linh	59
6	Cửa Tùng	158
7	Vĩnh Hoàng	25
8	Vĩnh Thủy	6
9	Cam Lộ	20
10	Hiếu Giang	20
11	Triệu Phong	10
12	Ái Tử	13
13	Nam Cửa Việt	208
14	Nam Hải Lăng	25
15	Diên Sanh	70
16	Hoàn Lão	313

17	Phong Nha	80
18	Bắc Trạch	53
19	Bồ Trạch	3
20	Trường Ninh	115
21	Trường Sơn	9
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.239 ha</b>